HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **XÃ HỒNG VŨ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 15/NQ-HĐND	*Hồng Vũ, ngày 16 tháng 7 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Phê duyệt báo cáo kết quả thu chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm và phương hướng 6 tháng cuối năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ HỒNG VŨ
KHOÁ II, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Hồng Vũ khoá I kỳ họp thứ Tư nhiệm kỳ 2021-2026 về việc phân bổ dự toán ngân sách xã năm 2026;

Trên cơ sở xem xét Báo cáo số 269/BC-UBND ngày 02/7/2026 của UBND xã Hồng Vũ về việc báo cáo tình hình thu, chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm và phương hướng 6 tháng cuối năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 04/BC-BKTNS ngày 13/7/2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã, ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Phê chuẩn kết quả thu chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2026 với các nội dung sau:

1. Thu ngân sách xã

Tổng thu ngân sách xã 108.427.473.462 đồng đạt 58% so với dự toán tỉnh giao, đạt 50% so với dự toán HĐND xã giao. Trong đó:

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 498.450.416 đồng
- Thu lệ phí trước bạ: 951.626.320 đồng
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 2.197.250 đồng
- Thuế thu nhập cá nhân: 470.407.532 đồng
- Thu phí, lệ phí: 69.818.000 đồng
- Thu tiền thuê đất, mặt nước, mặt biển: 10.129.528 đồng
- Thu khác ngân sách: 61.064.385 đồng
- Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản: 137.331.420 đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 98.047.759.504 đồng
- Thu chuyển nguồn ngân sách năm 2025 sang: 8.178.689.107 đồng

2. Chi ngân sách xã

Tổng chi ngân sách xã 84.707.700.789 đồng đạt 45% so với dự toán tỉnh giao, đạt 39% so với dự toán HĐND xã giao. Trong đó:

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản : 4.428.516.147 đồng (UBND xã đã ban hành Tờ trình số 11/TTr-UBND ngày 13/3/2026 và Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 31/3/2026 kính gửi Thường trực HĐND xã về việc phê duyệt đề xuất sử dụng nguồn 30% tăng thu ngân sách xã và nguồn dự toán chi còn lại của ngân sách xã năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026 để chi trả XDCB cho công trình: Cải tạo, nâng cấp mặt đường trục xã và kè chống sạt lở đoạn từ Cầu đôi đường ĐH19 đến nghĩa trang làng Nguyệt Lâm và đoạn từ Cầu đôi đường ĐH 19 đến cầu ông Động thôn Mộ Đạo 2 xã Hồng Vũ HM: Đoạn từ CN17 (Trường mầm non) đến CN47+7,6 (cầu làng Nguyệt Lâm) với tổng số tiền 4.428.516.147 đồng và đã được Thường trực HĐND xã ban hành Thông báo số 06/TB-TTHĐND ngày 13/3/2026 và Thông báo số 01/TB-TTHĐND ngày 21/4/2026 về việc nhất trí với nội dung của các tờ trình nêu trên).

- Chi thường xuyên: 61.186.840.342 đồng

+ Quốc phòng: 1.410.472.400 đồng

+ An ninh và trật tự xã hội: 770.426.700 đồng

+ Sự nghiệp đào tạo, giáo dục: 24.512.702.525 đồng

+ Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: 35.000.000 đồng.

+ Sự nghiệp y tế, dân số, kế hoạch hoá gia đình: 5.962.327.178 đồng

+ Sự nghiệp văn hoá, thông tin, thể dục thể thao, phát thanh, truyền hình: 76.707.400 đồng

+ Sự nghiệp đảm bảo xã hội: 11.126.999.400 đồng

+ Các hoạt động kinh tế: 34.262.400 đồng

+ Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: 16.907.942.339 đồng

+ Chi khen thưởng: 350.000.000 đồng

- Chi dự phòng ngân sách: 77.300.000 đồng (UBND xã đã ban hành Tờ trình số 10/TTr-UBND ngày 13/3/2026 kính gửi Thường trực HĐND xã về việc đề nghị sử dụng nguồn dự phòng chi cho công tác tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ với số tiền 77.300.000 đồng và đã được Thường trực HĐND xã ban hành Thông báo số 06/TB-TTHĐND ngày 13/3/2026 về việc nhất trí với nội dung tờ trình nêu trên).

- Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng từ nguồn ngân sách trung ương: 19.015.044.300 đồng

3. Số dư ngân sách hết ngày 30/6/2026: 23.719.772.673 đồng

(Có biểu chi tiết đính kèm)

Điều 2: Tổ chức thực hiện

1. Giao Uỷ ban nhân dân xã

- Tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai kết quả thực hiện thu chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2026 theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Hồng Vũ khoá II, Kỳ họp thứ Ba nhất trí thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân xã thông qua./.

Nơi nhận:
- TT HĐND tỉnh;
- Đảng uỷ, TT HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các ban HĐND, đại biểu HĐND xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

H.Đ.N.D XÃ HỒNG VŨ T.HƯNG YÊN

Phạm Nguyễn Tiêu

G VŨ T.HƯNG YÊN

Phụ lục

KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 16/7/2026 của Hội đồng nhân dân xã Hồng Vũ)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm 2026		Kết quả thực hiện đến 31/5/2026	So sánh kết quả thực hiện với dự toán	
		Dự toán HĐND tỉnh giao	Dự toán HĐND xã giao		Dự toán HĐND tỉnh giao	Dự toán HĐND xã giao
A	**Tổng thu NS xã**	**186,823,000,000**	**215,023,000,000**	**108,427,473,462**	**58**	**50**
I	**Thu NS xã trên địa bàn**	**9,681,000,000**	**37,881,000,000**	**2,201,024,851**	**23**	**6**
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	470,000,000	470,000,000	498,450,416	106	106
2	Lệ phí trước bạ	1,440,000,000	1,440,000,000	951,626,320	66	66
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	32,000,000	32,000,000	2,197,250	7	7
4	Thuế thu nhập cá nhân	495,000,000	495,000,000	470,407,532	95	95
5	Thu phí, lệ phí	75,000,000	75,000,000	69,818,000	93	93
6	Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, mặt biển	64,000,000	64,000,000	10,129,528	16	16
7	Thu tiền sử dụng đất	6,800,000,000	35,000,000,000		-	-
8	Thu khác ngân sách	200,000,000	200,000,000	61,064,385	31	31
9	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản	105,000,000	105,000,000	137,331,420	131	131
II	**Thu bổ sung ngân sách cấp trên**	**177,142,000,000**	**177,142,000,000**	**98,047,759,504**	**55**	**55**
1	Thu bổ sung cân đối	128,576,000,000	128,576,000,000	53,015,000,000	41	41
2	Thu bổ sung có mục tiêu	48,566,000,000	48,566,000,000	45,032,759,504	93	93

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm 2026		Kết quả thực hiện đến 31/5/2026	So sánh kết quả thực hiện với dự toán	
		Dự toán HĐND tỉnh giao	Dự toán HĐND xã giao		Dự toán HĐND tỉnh giao	Dự toán HĐND xã giao
III	**Thu chuyển nguồn**			**8,178,689,107**		
B	**Tổng chi NS xã**	**186,823,000,000**	**215,023,000,000**	**84,707,700,789**	**45**	**39**
1	Chi đầu tư XDCB	6,800,000,000	40,810,000,000	4,428,516,147	65	11
	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2025			4,428,516,147		
	Nguồn vốn tập trung (tiết kiệm chi năm 2026)		5,810,000,000			
	Nguồn sử dụng đất	6,800,000,000	35,000,000,000		-	-
2	Chi thường xuyên	127,391,000,000	121,581,000,000	61,186,840,342	48	50
	Quốc phòng	1,054,000,000	1,054,000,000	1,410,472,400	134	134
	An ninh và trật tự xã hội	81,000,000	81,000,000	770,426,700	951	951
	Sự nghiệp đào tạo, giáo dục	66,853,000,000	66,853,000,000	24,512,702,525	37	37
	SN khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	967,000,000	967,000,000	35,000,000	4	4
	SN y tế, dân số và KHH gia đình	9,445,000,000	9,445,000,000	5,962,327,178	63	63
	SN văn hoá, thông tin, TDTT, phát thanh, truyền hình	180,000,000	180,000,000	76,707,400	43	43
	SN môi trường	1,067,000,000	1,067,000,000	-	-	-
	SN đảm bảo xã hội	12,589,000,000	12,589,000,000	11,126,999,400	88	88
	Các hoạt động kinh tế	5,235,000,000	5,235,000,000	34,262,400	1	1

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm 2026		Kết quả thực hiện đến 31/5/2026	So sánh kết quả thực hiện với dự toán	
		Dự toán HĐND tỉnh giao	Dự toán HĐND xã giao		Dự toán HĐND tỉnh giao	Dự toán HĐND xã giao
	Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	27,461,000,000	21,651,000,000	16,907,942,339	62	78
	Chi hoạt động thường xuyên theo chỉ tiêu DS	1,251,000,000	1,251,000,000		-	-
	Chi khen thưởng	627,000,000	627,000,000	350,000,000	56	56
	Chi khác	581,000,000	581,000,000		-	-
3	Dự phòng	2,767,000,000	2,767,000,000	77,300,000	3	3
4	Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng từ nguồn ngân sách trung ương	34,288,000,000	34,288,000,000	19,015,044,300	55	55
5	Chi thực hiện các chính sách an sinh xã hội năm 2026 từ nguồn cải cách tiền lương ngân sách tỉnh	14,278,000,000	14,278,000,000		-	-
6	Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	1,299,000,000	1,299,000,000		-	-
C	**Tồn quỹ ngân sách đến hết ngày 30/6/2026**			**23,719,772,673**		